HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 38 /2018/NQ-HĐND	*Hà Nam, ngày 07 tháng 12 năm 2018*

51
ĐẾN Ngày 3/1/2019

NGHỊ QUYẾT
Về Quy hoạch cấp nước vùng tỉnh Hà Nam đến năm 2030

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM
KHÓA XVIII - KỲ HỌP THỨ BẢY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 06 năm 2014

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 2502/QĐ-TTg ngày 22/12/2016 phê duyệt điều chỉnh Định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1226/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Nam đến năm 2020;

Xét Tờ trình số 3573/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết về Quy hoạch cấp nước vùng tỉnh Hà Nam đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận, thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch cấp nước vùng tỉnh Hà Nam đến năm 2030, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu quy hoạch

a) Mục tiêu tổng quát

- Cấp nước ổn định, an toàn với chất lượng đảm bảo và dịch vụ tốt đáp ứng các nhu cầu sử dụng nước của người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Từng bước chuyển đổi nguồn cấp nước, công nghệ, thiết bị đối với các hệ thống cấp nước có chất lượng dịch vụ không đảm bảo, xóa bỏ khoảng cách về chất lượng nước sạch cung cấp cho khu vực đô thị và nông thôn.

- Cụ thể hóa mục tiêu tại các định hướng, quy hoạch, chương trình quốc gia, vùng về cấp nước và đảm bảo cấp nước an toàn, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước của các cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Làm cơ sở cho việc phân vùng cấp nước và triển khai các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn tỉnh.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2020:

- Tỷ lệ bao phủ dịch vụ cấp nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung tại khu vực đô thị đạt 100%.

- Tỷ lệ bao phủ dịch vụ cấp nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung tại khu vực nông thôn đạt 95%.

- Giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch dưới 20% đối với đô thị loại IV trở lên; dưới 25% đối với đô thị loại V.

- Dịch vụ cấp nước liên tục, đủ áp lực 24 giờ trong ngày đối với các đô thị loại IV trở lên và cấp nước phù hợp với nhu cầu, điều kiện thực tế đối với đô thị loại V.

- Các khu công nghiệp được cấp nước đầy đủ yêu cầu về chất lượng nước và lưu lượng nước.

c) Mục tiêu cụ thể đến năm 2030:

- Tỷ lệ bao phủ dịch vụ cấp nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung tại khu vực nông thôn đạt 100%.

- Giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch dưới 15% tại các đô thị, dưới 20% tại khu vực nông thôn.

- Dịch vụ cấp nước liên tục, đủ áp lực 24 giờ trong ngày đối với khu vực đô thị.

2. Quy hoạch nguồn nước:

a) Nguồn nước mặt:

- Khuyến khích khai thác nguồn nước mặt sông Hồng và sông Đáy đoạn từ xã Tân Sơn huyện Kim Bảng đến ranh giới hành chính giáp thành phố Phủ Lý cho nhu cầu cấp nước của tỉnh.

b) Nguồn nước ngầm:

- Hạn chế và từng bước tiến tới không sử dụng nguồn nước ngầm có chất lượng không đảm bảo tại các khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung sử dụng nguồn nước mặt.

- Thực hiện các giải pháp bổ cập nước ngầm, đảm bảo an toàn nguồn nước ngầm đặc biệt tại khu vực phía Tây sông Đáy huyện Thanh Liêm, Kim Bảng tạo nguồn dự phòng chiến lược trong trường hợp xảy ra sự cố về nguồn nước mặt và biến đổi khí hậu.

3. Quy hoạch vùng cấp nước:

Gồm 02 vùng cấp nước chính:

- Vùng 1: Bao gồm thành phố Phủ Lý, huyện Kim Bảng, huyện Duy Tiên, huyện Thanh Liêm được cấp nước từ 21 nhà máy nước sạch tập trung.

- Vùng 2: Bao gồm huyện Lý Nhân và huyện Bình Lục được cấp nước từ 18 nhà máy nước sạch tập trung.

Từng bước hình thành mạng lưới kết nối liên vùng để đáp ứng tốt nhất các nhu cầu sử dụng nước sạch cho sản xuất và dân sinh.

4. Quy hoạch các nhà máy nước:

- Xây dựng 02 nhà máy nước liên vùng sử dụng nguồn nước sông Hồng: Công suất nhà máy nước Sông Hồng (*tại xã Mộc Nam, huyện Duy Tiên*) đến năm 2030 là 200.000 m^3/ngày đêm (*đủ công suất cấp nước cho vùng phục vụ trong tỉnh Hà Nam*); công suất nhà máy nước Đạo Lý đến năm 2030 là 60.000 m^3/ngày đêm.

- Các nhà máy nước đang sử dụng nguồn nước sông Hồng, sông Đáy đoạn 1 (*từ xã Tân Sơn huyện Kim Bảng đến ranh giới hành chính giữa huyện Kim Bảng và thành phố Phủ Lý*) tiếp tục hoạt động, gồm các nhà máy nước: Mộc Nam, Chuyên Ngoại, Phú Phúc, Nhân Thịnh, Chân Lý, Nguyên Lý, Kim Bình, Khả Phong, Phủ Lý 2.

- Các nhà máy chuyển đổi sang khai thác nguồn nước sông Hồng: Đọi Sơn, Châu Sơn, Hợp Lý và Hòa Hậu.

- Các nhà máy nước tập trung khác không tăng công suất khai thác, căn cứ khả năng cải tạo, nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước để thực hiện lộ trình chuyển đổi sang sử dụng nguồn nước sông Hồng, sông Đáy đoạn 1 hoặc tiếp nhận nước từ các nhà máy nước liên vùng để cấp cho các hộ tiêu thụ trong phạm vi phục vụ của từng nhà máy nước, chậm nhất đến năm 2025 chấm dứt sử dụng nguồn nước không đảm bảo hiện nay.

5. Công nghệ xử lý nước:

- Căn cứ chất lượng nguồn nước thô, tính chất và vai trò của các nhà máy nước để áp dụng các công nghệ xử lý nước theo hướng hiện đại, tiết kiệm năng lượng, đảm bảo chất lượng nước cấp theo quy chuẩn hiện hành.

- Từng bước nâng cấp, chuyển đổi công nghệ, thay thế các nhà máy nước không đảm bảo chất lượng nước sau xử lý.

6. Mạng lưới đường ống cấp nước:

- Đường ống cấp nước truyền dẫn đi song hành với các trục đường kết nối liên đô thị, quy mô hướng tuyến căn cứ điều kiện thực tế và tính toán cụ thể để đề xuất phù hợp với lộ trình phát triển các nhà máy nước.

- Tạo kết nối mạng giữa hệ thống cấp nước của 2 nhà máy nước liên vùng và liên kết mạng với các nhà máy nước khác nhằm đảm bảo an toàn cấp nước toàn tỉnh.

7. Một số nhiệm vụ giải pháp chủ yếu thực hiện quy hoạch:

- Thực hiện công bố quy hoạch, tuyên truyền rộng rãi nội dung quy hoạch tới các cấp, các ngành, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ cấp nước và nhân dân trong tỉnh nhằm nâng cao ý thức và trách nhiệm, vai trò của các bên liên quan trong việc thực hiện quy hoạch.

- Tiếp tục rà soát, bổ sung các cơ chế, chính sách phù hợp để huy động nguồn lực cho xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống cấp nước, không để độc quyền trong cung cấp dịch vụ cấp nước sạch để người dân được lựa chọn sử dụng dịch vụ tốt nhất.

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong việc thực hiện quy hoạch và quản lý việc cung cấp nước sạch đảm bảo đúng mục tiêu, chất lượng, giá thành hợp lý.

- Tăng cường hợp tác, tiếp nhận chuyển giao công nghệ trong hoạt động cấp nước, tiến tới hiện đại hóa hệ thống cấp nước, bảo đảm cấp nước an toàn và chống thất thoát nước sạch.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân tỉnh phê duyệt quy hoạch và tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019./.

Nơi nhận:
- UBTV Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục kiểm tra VB QPPL - Bộ Tư pháp;
- BTV Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính; Xây dựng; Tư pháp;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh,
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phạm Sỹ Lợi